

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN
Ngày Thi: 12/10/2025

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB10152	Nguyễn Bảo	An	13/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	5.0	Đạt	
2	BKCB10153	Lê Nguyễn Hà	Anh	26/10/2003	Đắk Lắk	9.33	6.17	Đạt	
3	BKCB10154	Phan Kim	Anh	07/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	6.33	5.83	Đạt	
4	BKCB10155	Trần Ngọc Vân	Anh	03/11/2000	Đồng Nai	10.0	9.0	Đạt	
5	BKCB10156	Võ Phan	Anh	28/06/2006	Thanh Hoá	10.0	5.67	Đạt	
6	BKCB10157	Trần Thị Thanh	Bình	14/11/1999	Đắk Nông	10.0	7.0	Đạt	
7	BKCB10158	Phạm	Bùng	06/02/2003	Cà Mau	9.67	7.0	Đạt	
8	BKCB10159	Ngô Nguyễn Ngọc	Châu	31/01/2004	An Giang	6.67	4.5	Không đạt	
9	BKCB10160	Ngô Quốc	Chiến	29/08/2005	An Giang	8.67	7.5	Đạt	
10	BKCB10161	Giang Thế	Công	24/03/1996	Bình Phước	7.33	5.83	Đạt	
11	BKCB10162	Vũ Đình Minh	Công	19/03/2005	Hải Phòng	7.67	7.0	Đạt	
12	BKCB10163	Trần Trí	Cường	01/12/2001	Đồng Nai	5.67	5.67	Đạt	
13	BKCB10164	Võ Thị	Cường	20/05/2005	Quảng Ngãi	10.0	7.33	Đạt	
14	BKCB10165	Đình Quang	Đại	15/10/2001	Vĩnh Long				Vắng
15	BKCB10166	Nguyễn Hữu	Đại	16/08/2000	Lâm Đồng	8.33	8.0	Đạt	
16	BKCB10167	Đào Tiến	Đăng	26/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6.33	9.67	Đạt	
17	BKCB10168	Trần Tấn	Đạt	20/09/1993	Khánh Hoà	9.0	8.83	Đạt	
18	BKCB10169	Ngô Thuỳ	Dương	18/06/2002	Kiên Giang	10.0	7.67	Đạt	
19	BKCB10170	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	19/09/2001	Tây Ninh	7.67	5.0	Đạt	
20	BKCB10171	Lê Thị Hồng	Gấm	22/07/2005	Tây Ninh	9.33	6.0	Đạt	
21	BKCB10172	Lê Thị Hồng	Gấm	27/02/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	5.83	Đạt	
22	BKCB10173	Lê Châu	Giang	18/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
23	BKCB10174	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	22/09/2006	Thanh Hoá	9.67	6.33	Đạt	
24	BKCB10175	Quách Hà	Giang	18/05/2006	Bắc Ninh	9.67	9.33	Đạt	
25	BKCB10176	Bùi Thị Ngọc	Hà	05/05/1995	Ninh Bình	5.67	6.5	Đạt	
26	BKCB10177	Lê Quốc	Hải	02/02/2003	Bình Thuận	6.0	6.33	Đạt	
27	BKCB10178	Nguyễn Ngọc Hoàn	Hải	21/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	8.33	Đạt	
28	BKCB10179	Lý Tăng Ngọc	Hân	20/02/2000	Bạc Liêu	8.0	6.5	Đạt	
29	BKCB10180	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	04/01/2003	Đồng Tháp	8.67	7.33	Đạt	
30	BKCB10181	Quản Trọng	Hiền	24/02/2004	Đồng Nai	9.33	8.33	Đạt	
31	BKCB10182	Ứng Thị Mỹ	Hiếu	03/01/2006	Quảng Ngãi	8.33	8.83	Đạt	
32	BKCB10183	Lý Kim	Hoa	11/04/2002	Cà Mau	10.0	8.67	Đạt	
33	BKCB10184	Nguyễn Xuân	Hoàng	30/04/2002	Phú Yên	10.0	8.67	Đạt	
34	BKCB10185	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	12/8/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	6.67	6.17	Đạt	
35	BKCB10186	Huỳnh Công	Hữu	27/06/2001	Đồng Nai	8.33	9.0	Đạt	
36	BKCB10187	Nguyễn Hồ Hoàng	Huy	19/09/2003	Đồng Nai	8.33	8.0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
37	BKCB10188	Âu Nhật	Huy	20/09/2001	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
38	BKCB10189	Trần Thúy	Huỳnh	09/10/2005	Cà Mau	6.67	9.5	Đạt	
39	BKCB10190	Lê Hà	Khang	13/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	7.83	Đạt	
40	BKCB10191	Nguyễn Triệu	Khang	03/03/2004	An Giang	8.67	7.5	Đạt	
41	BKCB10192	Vũ Duy	Khang	10/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	9.17	Đạt	
42	BKCB10193	Đặng Nguyễn Tiến	Khoa	25/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	8.33	Đạt	
43	BKCB10194	Nguyễn Hải Đăng	Khoa	04/12/2010	Lâm Đồng	6.0	2.17	Không đạt	
44	BKCB10195	Nguyễn Mai	Khôi	27/07/2008	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	7.17	Đạt	
45	BKCB10196	Phạm Minh	Khôi	23/07/2003	Phú Yên	10.0	9.67	Đạt	
46	BKCB10197	Đặng Hồng Ánh	Linh	02/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.0	Đạt	
47	BKCB10198	Lê Ngọc	Linh	07/07/1998	Đồng Nai	5.33	9.0	Đạt	
48	BKCB10199	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	13/01/2006	Nghệ An	10.0	8.83	Đạt	
49	BKCB10200	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	29/01/2006	Gia Lai	10.0	5.17	Đạt	
50	BKCB10201	Trần Nguyễn Hoàng	Linh	13/11/2000	Bình Định	6.67	6.5	Đạt	
51	BKCB10202	Tào Thị Phương	Ly	04/10/2006	Hà Nội	10.0	9.5	Đạt	
52	BKCB10203	Nguyễn Vương Thuỳ	Mai	11/10/2000	Quảng Ngãi	8.0	8.83	Đạt	
53	BKCB10204	Đoàn Gia Thoại	My	01/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	6.67	Đạt	
54	BKCB10205	Nguyễn Ngọc Uyển	My	01/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	8.0	Đạt	
55	BKCB10206	Ngô Nguyễn Thành	Nam	12/10/2005	Đồng Nai	6.33	8.5	Đạt	
56	BKCB10207	Tăng Nguyễn Phương	Nam	31/12/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	9.33	8.33	Đạt	
57	BKCB10208	Đinh Thị Thúy	Nga	07/02/2004	Lâm Đồng	8.33	9.0	Đạt	
58	BKCB10209	Huỳnh Thanh	Ngân	24/06/2001	Đồng Tháp	8.67	8.0	Đạt	
59	BKCB10210	Nguyễn Hồng	Ngân	29/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.17	Đạt	
60	BKCB10211	Nguyễn Triều	Nghi	01/06/2000	An Giang	9.67	8.5	Đạt	
61	BKCB10212	Nguyễn Hồng	Ngọc	22/04/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	8.0	Đạt	
62	BKCB10213	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	06/04/2006	Tây Ninh	8.0	6.83	Đạt	
63	BKCB10214	Phạm Nguyễn Yển	Ngọc	13/12/2004	Thành Phố Hồ Chí Minh	10.0	7.0	Đạt	
64	BKCB10215	Nguyễn Thảo	Nguyên	08/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	7.33	Đạt	
65	BKCB10216	Lê Thị Thanh	Nhàn	07/07/2004	Bình Phước	9.0	8.0	Đạt	
66	BKCB10217	Nguyễn Lê Xuân	Nhàn	23/12/2003	Phú Yên	9.33	9.17	Đạt	
67	BKCB10218	Nguyễn Võ Thanh	Nhân	17/04/2002	An Giang	8.33	7.67	Đạt	
68	BKCB10219	Lê Đình	Nhật	25/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	5.83	Đạt	
69	BKCB10220	Nguyễn Phan Tuyết	Nhi	30/01/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	8.5	Đạt	
70	BKCB10221	Trần Ngọc	Nhi	01/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.33	Đạt	
71	BKCB10222	K' Bơn	Nhơn	20/04/2001	Lâm Đồng	9.67	8.67	Đạt	
72	BKCB10223	Châu Thị	Như	07/02/2005	Quảng Ngãi	9.33	8.33	Đạt	
73	BKCB10224	Đào Quỳnh	Như	29/10/2004	Gia Lai	6.0	5.5	Đạt	
74	BKCB10225	Huỳnh Thị Thu	Như	17/03/2006	Tây Ninh	9.33	8.67	Đạt	
75	BKCB10226	Lê Thị Huỳnh	Như	03/11/2002	An Giang	7.67	2.67	Không đạt	
76	BKCB10227	Khuru Thị Hoài	Nhung	03/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	9.0	Đạt	
77	BKCB10228	Vũ Hồng	Nhung	06/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	6.17	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
78	BKCB10229	Nguyễn An	Ninh	16/04/1998	Đồng Nai	7.33	8.83	Đạt	
79	BKCB10230	Nguyễn Thị Kim	Oanh	24/11/2003	Đồng Nai	9.67	8.5	Đạt	
80	BKCB10231	Võ Nguyên	Phong	06/01/1986	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
81	BKCB10232	Đinh Thị Xuân	Phú	02/01/2004	Đồng Nai	9.67	6.67	Đạt	
82	BKCB10233	Nguyễn Văn	Phú	07/02/2004	Quảng Nam	9.67	9.17	Đạt	
83	BKCB10234	Trần Hạnh	Phúc	23/12/1989	Lâm Đồng	9.33	8.17	Đạt	
84	BKCB10235	Lê Thị Anh	Phương	16/02/2003	Đà Nẵng	7.67	7.0	Đạt	
85	BKCB10236	Nguyễn Thị Thanh	Phương	01/03/2004	Bình Phước	6.0	7.5	Đạt	
86	BKCB10237	Trần Nho	Quân	23/09/2005	Lâm Đồng	9.0	7.0	Đạt	
87	BKCB10238	Phan Thị Tú	Quyên	14/06/2006	Gia lai	9.33	8.5	Đạt	
88	BKCB10239	Trương Mai	Quyên	10/08/2005	Khánh Hoà	6.0	6.0	Đạt	
89	BKCB10240	Nguyễn Hòa Liên	Quyên	13/05/2004	Khánh Hòa	7.67	4.33	Không đạt	Không PPT
90	BKCB10241	Nguyễn Thu	Quyên	22/10/2006	An Giang	9.67	8.83	Đạt	
91	BKCB10242	Nguyễn Thùy Anh	Quyên	02/03/2004	Khánh Hòa	8.0	8.17	Đạt	
92	BKCB10243	Đinh Thị Như	Quỳnh	21/03/2003	Quảng Bình	7.0	5.83	Đạt	
93	BKCB10244	Lê Thị Như	Quỳnh	30/08/2005	Bình Định	8.67	6.33	Đạt	
94	BKCB10245	Trần Như	Quỳnh	20/04/2004	Đồng Nai	9.33	2.5	Không đạt	Không Excel, Window
95	BKCB10246	Nguyễn Vương	Sáng	21/09/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.17	Đạt	
96	BKCB10247	Nguyễn Hồng	Son	26/12/2000	Đồng Nai	9.33	8.5	Đạt	
97	BKCB10248	Huỳnh Thị Ngọc	Sương	25/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.67	Đạt	
98	BKCB10249	Đàm Thị Thanh	Tâm	21/02/2006	Đồng Nai	9.0	8.33	Đạt	
99	BKCB10250	Lê Nguyễn Mỹ	Tâm	09/12/2005	Tây Ninh	9.5	7.67	Đạt	
100	BKCB10251	Huỳnh Việt	Thắng	20/11/1999	Tây Ninh	6.33	8.33	Đạt	
101	BKCB10252	Trần Thị Thanh	Thanh	01/07/2000	Đồng Tháp	10.0	8.33	Đạt	
102	BKCB10253	Nguyễn Thái	Thành	12/05/2000	An Giang	9.0	8.83	Đạt	
103	BKCB10254	Lê Thị Phương	Thảo	10/10/2006	Gia Lai	8.0	9.33	Đạt	
104	BKCB10255	Nguyễn Đỗ Phương	Thảo	05/08/2003	Ninh Bình	9.67	8.83	Đạt	
105	BKCB10256	Phạm Thị Phương	Thảo	15/12/2007	Tây Ninh	9.0	9.5	Đạt	
106	BKCB10257	Nguyễn Hữu	Thiện	30/03/2000	Tây Ninh	7.0	7.5	Đạt	
107	BKCB10258	Lê Trung	Thịnh	05/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	6.67	8.17	Đạt	
108	BKCB10259	Nguyễn Trần Quốc	Thịnh	26/01/1999	Đà Nẵng	10.0	9.17	Đạt	
109	BKCB10260	Bùi Minh	Thơ	20/06/2005	Vĩnh Long	9.0	8.67	Đạt	
110	BKCB10261	Huỳnh Ngọc Kim	Thoa	14/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	5.0	6.33	Đạt	
111	BKCB10262	Nguyễn Minh	Thư	27/03/2004	Tây Ninh	8.33	9.0	Đạt	
112	BKCB10263	Nguyễn Phạm Trâm	Thư	06/01/2006	Đồng Nai	8.67	8.83	Đạt	
113	BKCB10264	Nguyễn Thị Thanh	Thư	29/10/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8.0	6.33	Đạt	
114	BKCB10265	Trần Quốc	Thuận	02/09/1986	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	9.0	Đạt	
115	BKCB10266	Lê Võ Hoài	Thương	01/02/2003	Tây Ninh	9.67	7.33	Đạt	
116	BKCB10267	Nguyễn Kim	Thương	09/04/1985	Gia Lai	7.67	9.17	Đạt	
117	BKCB10268	Nguyễn Trần Thanh	Thủy	07/11/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	7.17	Đạt	
118	BKCB10269	Đậu Phương	Thùy	10/12/2003	Bình Định	9.33	6.5	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
119	BKCB10270	Đặng Hồ Cẩm	Tiên	23/10/2004	Cần Thơ	10.0	9.33	Đạt	
120	BKCB10271	Trương Thị Thảo	Tiên	08/06/2003	Tiền Giang	9.67	8.67	Đạt	
121	BKCB10272	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	13/09/1984	Vĩnh Long	7.0	7.83	Đạt	
122	BKCB10273	Nguyễn Trung	Tín	18/02/2005	Tây Ninh	7.33	8.33	Đạt	
123	BKCB10274	Lê Bá	Toàn	08/09/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	6.67	Đạt	
124	BKCB10275	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	26/10/2006	Quảng Ngãi	10.0	9.33	Đạt	
125	BKCB10276	Lê Trần Bảo	Trân	05/01/2004	Cà Mau	7.0	7.0	Đạt	
126	BKCB10277	Lê Thị Thùy	Trang	17/09/2006	Đắk Lắk	6.0	6.17	Đạt	
127	BKCB10278	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	31/08/1999	Bình Phước	6.0	6.5	Đạt	
128	BKCB10279	Trần Thùy	Trang	28/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.5	Đạt	
129	BKCB10280	Lê Kha	Trí	16/01/1998	Quảng Ngãi	8.33	9.0	Đạt	
130	BKCB10281	Nguyễn Phi	Trình	20/03/1997	Quảng Ngãi	7.67	8.83	Đạt	
131	BKCB10282	Trần Nguyễn Minh	Trung	18/12/1992	An Giang	8.0	7.17	Đạt	
132	BKCB10283	Bùi Cẩm	Tú	07/08/2004	Đắk Lắk	9.0	7.0	Đạt	
133	BKCB10284	Hồ Dương Đức	Tuấn	09/10/2005	Gia Lai	7.0	7.0	Đạt	
134	BKCB10285	Nguyễn Quỳnh	Tuyên	15/10/2006	Đắk Lắk	9.33	9.17	Đạt	
135	BKCB10286	Trương Thị Phương	Tuyền	18/12/2006	Tây Ninh	10.0	9.0	Đạt	
136	BKCB10287	Huỳnh Phạm Tường	Vi	01/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.5	Đạt	
137	BKCB10288	Hồ Thị Trà	Vinh	10/10/2005	Đắk Lắk	8.67	8.83	Đạt	
138	BKCB10289	Hoàng Nguyễn Yến	Vy	19/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	9.0	Đạt	
139	BKCB10290	Lâm Thuý	Vy	04/09/2005	Quảng Ngãi	9.0	7.5	Đạt	
140	BKCB10291	Nguyễn Thanh Thảo	Vy	27/10/2003	Đồng Nai	8.0	8.5	Đạt	
141	BKCB10292	Lý Hoàng	Ý	07/05/2003	Trà Vinh	9.67	7.83	Đạt	
142	BKCB10293	Nguyễn Huỳnh Kim	Yến	22/03/2005	Quảng Ngãi	7.67	9.17	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm) ≥ 5 và Điểm thực hành ≥ 5

Số lượng thí sinh:

142

Số lượng hiện diện:

138

Số thí sinh đạt:

133

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam